

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út;
2. Ông Nguyễn Đăng KH;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1983, địa chỉ: Số 146, ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số 146, ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng bà H tổ chức đám cưới năm 2003, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T.C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 28/01/2004. Trước khi kết hôn, bà H và ông T không có tìm hiểu nhau, sau khi được mai mối thì vợ chồng tiến tới hôn nhân. Hôn nhân của vợ chồng bà là tự nguyện. Trong thời gian chung sống, theo bà H nhận thấy là vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì trước khi kết hôn, vợ chồng bà H không có tìm hiểu nhau trước nên khi về chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về mặt tình cảm, khi vợ chồng cãi nhau thì ông T đánh bà H. Bà H đi làm công nhân thì ông T chặn đường đánh bà H. Mặc dù, bà H đã cho ông T thời gian để thay đổi nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Bà H đã chịu đựng nhiều năm, bà H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T, từ tháng 02/2022, bà H không còn ở chung nhà với ông T. Bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 27/12/2003 và Nguyễn Văn C1, sinh ngày 31/01/2006. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, bà H không có yêu cầu gì đối với cháu T1. Đối với cháu C1, hiện nay đang sống với ông T, bà

H đồng ý giao cháu C1 cho ông T nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 28/7/2022:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian đăng ký kết hôn, về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông T xác định nguyên nhân mâu thuẫn không phải như bà H trình bày. Ông T đi làm 01, 02 tuần về nhà một lần vào cuối tuần, không có sự việc ông đánh bà H. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mới yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn với bà H. Ông T cho bà H cơ hội để quay lại chung sống với ông T và các con. Ông T không đưa ra giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Về nuôi con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý nuôi dưỡng cháu C1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông T bận đi làm không đến tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T.C, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 28/01/2004 nên xác định hôn nhân của vợ chồng ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, theo bà H nhận thấy là vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì trước khi kết hôn, vợ chồng bà H không có tìm hiểu nhau trước nên khi về chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về mặt tình cảm, khi vợ chồng cãi nhau thì ông T đánh bà H. Bà H đi làm công nhân thì ông T chặn đường đánh bà H. Bà H đã cho ông T thời gian để sửa đổi nhưng ông T không có sửa đổi. Trong khi đó, ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn không phải như bà H trình bày. Ông T đi làm 01, 02 tuần về nhà một lần vào cuối tuần, không có sự việc ông đánh bà H. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên mới yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn với bà H. Ông T cho bà H cơ hội để quay lại chung sống với ông T và các con. Ông T không đưa ra giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn, đời sống chung vợ chồng

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 27/12/2003 và Nguyễn Văn C1, sinh ngày 31/01/2006. Cháu T1 đã đủ 18 tuổi, bà H không có yêu cầu gì đối với cháu T1. Đối với cháu C1, hiện nay đang sống với ông T, bà H đồng ý giao cháu C1 cho ông T nuôi dưỡng. Ông T cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu C1, đồng thời cháu C1 cũng có nguyện vọng mong muốn được sống với cha nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho ông T nuôi dưỡng cháu C1 là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, mặc dù ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn C1, sinh ngày 31/01/2006. Bà Trần Thị Kim H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng, thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ ngày 24/8/2022 cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0006058 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí. Bà H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân

